




PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên phân loại, tên sản phẩm: BANGCHAK D3 TURBO PLUS SAE 10W30, 15W-40, 15W-50	
--	---

Số CAS: 6747-54-7
Số UN: chưa có thông tin
Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: BANGCHAK D3 TURBO PLUS SAE 10W30, 15W-40, 15W-50	Mã tham chiếu: SD-PD-15-09
- Tên thương mại: BANGCHAK D3 TURBO PLUS SAE 10W30, 15W-40, 15W-50	
- Tên khác (không là tên khoa học): không xác định	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: : 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Bangchak Petroleum Public Company Limited 210 Sukhumvit 64 Rd, Phakanong Bangkok 10260 Tel: 0-2335-4999 Fax: 0-2335-4530	
- Mục đích sử dụng: Bôi trơn động cơ	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Dầu gốc tổng hợp và dầu gốc khoáng	64742-54-7	Hỗn hợp	>90
Phụ gia	Chưa có thông tin	Hỗn hợp	> 2

III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: NHAY DA – Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Cảnh báo

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Ảnh hưởng đến sức khỏe: Không nguy hiểm trong điều kiện tiếp xúc bình thường. Hạn chế tiếp xúc với hơi dầu. Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể gây viêm da.
- Cháy, nổ: Không được phân loại dễ cháy, nhưng sẽ cháy
- Ảnh hưởng đến môi trường: Khó phân hủy bằng vi sinh., Độc với sinh vật dưới nước. Có thể gây hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước.
- Thông tin khác: Không thuộc loại nguy hiểm trong khi cung cấp và vận chuyển.

- 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây dị ứng mắt
- Đường thở: Nếu hít phải hơi dầu có thể gây dị ứng hô hấp nhẹ
- Đường da: Có thể gây dị ứng da
- Đường tiêu hóa: Không xác định

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị vướng, dây vào mắt):** Nếu tiếp xúc, rửa ngay bằng nước trong vài phút. Các mí mắt phải được tách ra nhân câu đảm bảo cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
- 2. Trường hợp tay nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):** Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo giày dép. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da, nên đến trung tâm y tế. Nếu trường hợp bị bắn vào da với áp suất lớn, đến trung tâm y tế. Giặt quần áo thật kỹ trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- 3. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường hô hấp:** Nếu hít phải đưa ra ngoài nơi thoáng gió. Nếu có triệu chứng bất thường phải có nhân viên y tế chăm sóc.
- 4. Trường hợp tay nạn theo đường tiêu hóa :** Nếu nuốt phải, và người nuốt còn ý thức, cho uống nước hoặc sữa. Không để người nuốt, ới trừ khi có yêu cầu của nhân viên y tế. Đưa nạn nhân đến trung tâm y tế. Không đưa gì vào miệng nạn nhân khi không còn ý thức.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị:** điều trị căn hướng vào triệu chứng và vào việc giảm nhẹ mọi tác động.

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy:** dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Carbon dioxin, khói, cacbon monoxide , oxit sulfur và các sản phẩm không cháy hết
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** tia lửa. Nếu cháy hay đun nóng, áp suất cao bình chứa có thể nổ.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Cacbon dioxin , bột hoặc các bột chữa cháy. (Cát và đất có thể sử dụng để dập tắt các đám cháy nhỏ). Không nên sử dụng tia nước để chữa cháy.

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Nên dùng mặt nạ phòng độc. Linh cứu hỏa
 6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ:** Khói độc, khí gas, và hơi có thể có trong đám cháy.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Bịt hở rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Thấm chất lỏng bằng cát hoặc. Thu gom, đổ vào thùng chứa chất thải và đem đổ theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường
 2. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng:** Bịt hở rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận nơi phát thải theo hướng xuôi chiều. Ngăn sự tràn bằng thiết bị thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp phụ.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** khi vận chuyển di chuyển cần sử dụng dụng cụ thích hợp.
 2. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :**
 - Bảo quản nơi thoát mát, khô và thoáng gió. Phương tiện chứa phải kín. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nguồn nhiệt, và các tác nhân gây oxy hóa. Thích hợp chứa đựng trong các thùng bằng thép nhẹ, nhép không gỉ. (PVC không phù hợp để làm dụng cụ chứa)
 - Nhiệt độ bảo quản từ 0°C đến 50°C.
 - Thông tin khác: Thùng chứa bằng polyethylene tránh để tiếp xúc với nhiệt độ cao vì có thể gây biến dạng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :** Áp dụng các biện pháp kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi. Sử dụng các phương tiện trang bị bảo hộ lao động
 2. **Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ có miếng che hai bên.
 - Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu đeo thời gian tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hay đeo găng tay bảo hộ chống hòa chất. Khuyến khích dùng găng tay nitrile hoặc neoprene.
 - Bảo vệ hô hấp: Sử dụng mặt nạ NIOSH /MSHA bảo vệ toàn bộ khuôn mặt. Trong trường hợp thiếu thông gió nên mang thiết bị thở.
 3. **Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Cả phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động
 4. **Các biện pháp vệ sinh :** Rửa bàn tay, cánh tay và mặt cho thật sạch sao khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng vệ sinh và vào lúc cuối giờ. Quần áo dùng trong việc nhiễm bẩn không được phép mang ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính hóa chất trước khi mặc lại. Cần đặt những phòng rửa mặt và phòng tắm an toàn ở gần địa điểm làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái vật lý: Chất lỏng ở nhiệt độ môi trường	Điểm sôi (°C): >205 °C (nhiệt độ sôi đầu.)
- Màu sắc: vàng	Điểm nóng chảy (°C): không xác định
- Mùi đặc trưng: Có mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) : Cốc kín > 228°C
- Áp suất hóa hơi (mm HG) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: dưới 0.5×10^{-3} Kpa tại 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): không xác định
- Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 10% V/V

- Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 1% V/V
- Độ PH: tùy vào sản phẩm	Tỷ lệ hóa hơi: không xác định
- Khối lượng riêng (kg/m ³): 0.8910kg/ lít tại 15°C	Độ nhớt: Tùy theo sản phẩm
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT	
<p>1. Tính ổn định : ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường</p> <p>2. Khả năng phân ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong quá trình tồn trữ trong điều kiện bình thường. - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không xác định - Các chất có phản ứng phân nhiệt, khí độc các chất không bảo quản chung...): Không xác định - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra 	
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
<p>1. Các ảnh hưởng mãn tính với người:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có số liệu đầy đủ chỉ ra độc tính của sản phẩm. Thông tin dựa trên những kiến thức, nghiên cứu về độc tính của những sản phẩm tương tự. - Ngộ độc cấp tính: <ul style="list-style-type: none"> + Nuốt phải : khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Tiếp xúc với da: khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Hít vào: Có thể gây kích ứng nhẹ <p>2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin</p>	
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI	
<ul style="list-style-type: none"> - Không gây ảnh hưởng xấu cho hệ sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự - Mức độ phân hủy sinh học: Không dễ phân hủy sinh học. - Chỉ số BOD và COD: Không xác định - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không xác định - Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không xác định 	
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ	
<p>1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường</p> <p>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không phải là rác nguy hại theo RCRA điều khoản 40 và CFR 261</p> <p>3. Biện pháp tiêu hủy: Tái sinh hoặc xử lý thông qua nhà thầu chuyên xử lý chất thải.. Không được thải ra môi trường đất và nước.</p>	
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN	
<ul style="list-style-type: none"> - Không được xếp vào loại hàng hóa độc hại khi vận chuyển ADR/RID, UN, IMO, LATA/CLAO. - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo nghị định số 104/2009/NĐ-CP của chính phủ ngày 9/11/2009. - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo nghị định số 29/2005/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/3/2005. 	
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ	
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã	

tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Liên hợp quốc, EC, các tổ chức quốc tế về sản xuất, kinh doanh, vận tải sản phẩm dầu mỏ đã có uy định pháp lý về khai báo MSDS

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Sản phẩm này không thuộc phân loại nguy hiểm theo điều lệ của EU.

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

QCVN 14:2018/BKHCN : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: ngày 30/12/2021

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất;

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí Đồng Tháp

Lưu ý người đọc:

- Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

- Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng với mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của Petimex.


- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân thủ theo tất cả các quy định. Petimex sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai mục đích và khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc bản chất của loại sản phẩm. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.

- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết.

PETIMEX



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên phân loại, tên sản phẩm: BANGCHAK DIESEL TD-1 SAE 10W-30, 15W-40, 15W-40, 20W-50	
--	---

Số CAS: 6747-54-7
Số UN: chưa có thông tin
Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: BANGCHAK DIESEL TD-1 SAE 10W-30, 15W-40, 20W-50	Mã tham chiếu: SD-PD-14-08
- Tên thương mại BANGCHAK DIESEL TD-1 SAE 10W-30, 15W-40, 20W-50	
- Tên khác (không là tên khoa học): không xác định	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: : 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Bangchak Petroleum Public Company Limited 210 Sukhumvit 64 Rd, Phakanong Bangkok 10260 Tel: 0-2335-4999 Fax: 0-2335-4530	
- Mục đích sử dụng: Bôi trơn động cơ	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Dầu gốc khoáng	64742-54-7	Hỗn hợp	>90
Phụ gia	Chưa có thông tin	Hỗn hợp	> 2

III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: NHAY DA – Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Cảnh báo

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Ảnh hưởng đến sức khỏe: Không nguy hiểm trong điều kiện tiếp xúc bình thường. Hạn chế tiếp xúc với hơi dầu. Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể gây viêm da.
- Cháy, nổ: Không được phân loại dễ cháy, nhưng sẽ cháy
- Ảnh hưởng đến môi trường: Khó phân hủy bằng vi sinh, Độc với sinh vật dưới nước. Có thể gây hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước.
- Thông tin khác: Không thuộc loại nguy hiểm trong khi cung cấp và vận chuyển.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây dị ứng mắt
- Đường thở: Nếu hít phải hơi dầu có thể gây dị ứng hô hấp nhẹ
- Đường da: Có thể gây dị ứng da
- Đường tiêu hóa: Không xác định

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):** Nếu tiếp xúc, rửa ngay bằng nước trong vài phút. Các mí mắt phải được tách ra nhân cầu đảm bảo cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
- 2. Trường hợp tay nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):** Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo giày dép. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da, nên đến trung tâm y tế. Nếu trường hợp bị bắn vào da với áp suất lớn, đến trung tâm y tế. Giặt quần áo thật kỹ trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- 3. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường hô hấp:** Nếu hít phải đưa ra ngoài nơi thoáng gió. Nếu có triệu chứng bất thường phải có nhân viên y tế chăm sóc.
- 4. Trường hợp tay nạn theo đường tiêu hóa :** Nếu nuốt phải, và người nuốt còn ý thức, cho uống nước hoặc sữa. Không để người nuốt, ới trừ khi có yêu cầu của nhân viên y tế. Đưa nạn nhân đến trung tâm y tế. Không đưa gì vào miệng nạn nhân khi không còn ý thức.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị:** điều trị căn hướng vào triệu chứng và vào việc giảm nhẹ mọi tác động.

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy:** dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Carbon dioxin, khói, cacbon monoxide , oxit sulfur và các sản phẩm không cháy hết
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** tia lửa. Nếu cháy hay đun nóng, áp suất cao bình chứa có thể nổ.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Cacbon dioxin , bột hoặc các bột chữa cháy. (Cát và đất có thể sử dụng để dập tắt các đám cháy nhỏ). Không nên sử dụng tia nước để chữa cháy.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Nên dùng mặt nạ phòng độc. Linh cứu hòa
 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ: Khói độc, khí gas, và hơi có thể có trong đám cháy.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất độc. Thấm chất lỏng bằng cát hoặc. Thu gom, đổ vào thùng chứa chất thải và đem đi theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường
 2. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất độc. Tiếp cận nơi phát thải theo hướng xuôi chiều. Ngăn sự tràn bằng thiết bị thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp phụ.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** khi vận chuyển đi chuyển cần sử dụng dụng cụ thích hợp.
 2. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :**
 - Bảo quản nơi thoát mát, khô và thoáng gió. Phương tiện chứa phải kín. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nguồn nhiệt, và các tác nhân gây oxy hóa. Thích hợp chứa đựng trong các thùng bằng thép nhẹ, nhép không gỉ. (PVC không phù hợp để làm dụng cụ chứa)
 - Nhiệt độ bảo quản từ 0°C đến 50°C.
 - Thông tin khác: Thùng chứa bằng polyethylene tránh để tiếp xúc với nhiệt độ cao vì có thể gây biến dạng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :** Áp dụng các biện pháp kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi. Sử dụng các phương tiện trang bị bảo hộ lao động
 2. **Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ có miếng che hai bên.
 - Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu đeo thời gian tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hãy đeo găng tay bảo hộ chống hóa chất. Khuyến khích dùng găng tay nitrile hoặc neoprene.
 - Bảo vệ hô hấp: Sử dụng mặt nạ NIOSH /MSHA bảo vệ toàn bộ khuôn mặt. Trong trường hợp thiếu thông gió nên mang thiết bị thở.
 3. **Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Cá phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động
 4. **Các biện pháp vệ sinh :** Rửa bàn tay, cánh tay và mặt cho thật sạch sao khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng vệ sinh và vào lúc cuối giờ. Quần áo dùng trong việc nhiễm bẩn không được phép mang ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính hóa chất trước khi mặc lại. Cần đặt những phòng rửa mắt và phòng tắm an toàn ở gần địa điểm làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái vật lý: Chất lỏng ở nhiệt độ môi trường	Điểm sôi (°C): >205 °C (nhiệt độ sôi đầu.)
- Màu sắc: vàng	Điểm nóng chảy (°C): không xác định
- Mùi đặc trưng: có mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) : Cốc kín > 225°C
- Áp suất hóa hơi (mm HG) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: dưới 0.5×10^{-3} Kpa tại 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): không xác định
- Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 10% V/V

- Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 1% V/V
- Độ PH: tùy theo sản phẩm	Tỷ lệ hóa hơi: không xác định
- Khối lượng riêng: 0.8848 -0.8920kg/ lít tại 15oC	Độ nhớt: Tùy theo sản phẩm
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT	
<p>1. Tính ổn định : ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường</p> <p>2. Khả năng phân ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong quá trình tồn chứa trong điều kiện bình thường. - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không xác định - Các chất có phản ứng phân nhiệt, khí độc các chất không bảo quản chung...): Không xác định - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra 	
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
<p>1. Các ảnh hưởng mãn tính với người:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có số liệu đầy đủ chỉ ra độc tính của sản phẩm. Thông tin dựa trên những kiến thức, nghiên cứu về độc tính của những sản phẩm tương tự. - Ngộ độc cấp tính: <ul style="list-style-type: none"> + Nuốt phải : khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Tiếp xúc với da: khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Hít vào: Có thể gây kích ứng nhẹ <p>2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin</p>	
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI	
<ul style="list-style-type: none"> - Không gây ảnh hưởng xấu cho hệ sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự - Mức độ phân hủy sinh học: Không dễ phân hủy sinh học. - Chỉ số BOD và COD: Không xác định - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không xác định - Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không xác định 	
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ	
<p>1. Thông tin quy định thiêu hủy (thông tin về luật pháp): Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường</p> <p>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không phải là rác nguy hại theo RCRA điều khoản 40 và CFR 261</p> <p>3. Biện pháp tiêu hủy: Tái sinh hoặc xử lý thông qua nhà thầu chuyên xử lý chất thải.. Không được thải ra môi trường đất và nước.</p>	
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN	
<ul style="list-style-type: none"> - Không được xếp vào loại hàng hóa độc hại khi vận chuyển ADR/RID,UN,IMO,LATA/CIAO. - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo nghị định số 104/2009/NĐ-CP của chính phủ ngày 9/11/2009. - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo nghị định số 29/2005/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/3/2005. 	
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ	
<p>1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia</p>	

đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Liên hợp quốc, EC, các tổ chức quốc tế về sản xuất, kinh doanh, vận tải sản phẩm dầu mỏ đã có uy định pháp lý về khai báo MSDS

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Sản phẩm này không thuộc phân loại nguy hiểm theo điều lệ của EU.

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

QCVN 14:2018/BKHCN : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: ngày 30 tháng 12 năm 2021

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất;

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Lưu ý người đọc:

- Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng với mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của Petimex.
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân thủ theo tất cả các quy định. Petimex sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai mục đích và khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc bản chất của loại sản phẩm. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết.

PETIMEX



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên phân loại, tên sản phẩm:

BANGCHAK HYDRAULIC AW 32, 37, 46, 68, 100



Số CAS: 6747-54-7

Số UN: chưa có thông tin

Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: BANGCHAK HYDRAULIC AW 32, 37, 46, 68, 100

- Tên thương mại: BANGCHAK HYDRAULIC AW 32, 37, 46, 68, 100

- Tên khác (không là tên khoa học): không xác định

- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056

- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:

Bangchak Petroleum Public Company Limited
210 Sukhumvit 64 Rd, Phakanong Bangkok 10260
Tel: 0-2335-4999 Fax: 0-2335-4530

Mã tham chiếu:
SD-PD-15-09

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
ĐỒNG THÁP**
Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: : 02773.851056 – 02773.853090
Fax: 02773.851056

- Mục đích sử dụng: Bôi trơn động cơ

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Dầu gốc khoáng	64742-54-7	Hỗn hợp	>90
Phụ gia	Chưa có thông tin	Hỗn hợp	> 2

III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: NHAY DA – Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Cảnh báo

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Ảnh hưởng đến sức khỏe: Không nguy hiểm trong điều kiện tiếp xúc bình thường. Hạn chế tiếp xúc với hơi dầu. Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể gây viêm da.
- Cháy, nổ: Không được phân loại dễ cháy, nhưng sẽ cháy
- Ảnh hưởng đến môi trường: Khó phân hủy bằng vi sinh., Độc với sinh vật dưới nước. Có thể gây hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước.
- Thông tin khác: Không thuộc loại nguy hiểm trong khi cung cấp và vận chuyển.

- 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây dị ứng mắt
- Đường thở: Nếu hít phải hơi dầu có thể gây dị ứng hô hấp nhẹ
- Đường da: Có thể gây dị ứng da
- Đường tiêu hóa: Không xác định

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

- 1. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dấy vào mắt):** Nếu tiếp xúc, rửa ngay bằng nước trong vài phút. Các mí mắt phải được tách ra nhằm cầu đảm bảo cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
- 2. Trường hợp tay nạn tiếp xúc trên da (bị dấy vào da):** Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo giấy dép. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da, nên đến trung tâm y tế. Nếu trường hợp bị bắn vào da với áp suất lớn, đến trung tâm y tế. Giặt quần áo thật kỹ trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- 3. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường hô hấp:** Nếu hít phải đưa ra ngoài nơi thoáng gió. Nếu có triệu chứng bất thường phải có nhân viên y tế chăm sóc.
- 4. Trường hợp tay nạn theo đường tiêu hóa :** Nếu nuốt phải, và người nuốt còn ý thức, cho uống nước hoặc sữa. Không để người nuốt, ới trừ khi có yêu cầu của nhân viên y tế. Đưa nạn nhân đến trung tâm y tế. Không đưa gì vào miệng nạn nhân khi không còn ý thức.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị:** điều trị căn hướng vào triệu chứng và vào việc giảm nhẹ mọi tác động.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy:** dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Carbon dioxin, khói, cacbon monoxide , oxit sulfur và các sản phẩm không cháy hết
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** tia lửa. Nếu cháy hay đun nóng, áp suất cao bình chứa có thể nổ.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Cacbon dioxin , bột hoặc các bột chữa cháy. (Cát và đất có thể sử dụng để dập tắt các đám cháy nhỏ). Không nên sử dụng tia nước để chữa cháy.

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Nền dùng mặt nạ phòng độc. Lính cứu hỏa
 6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ:** Khói độc, khí gas, và hơi có thể có trong đám cháy.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Thấm chất lỏng bằng cát hoặc. Thu gom, đổ vào thùng chứa chất thải và đem đi theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường
 2. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận nơi phát thải theo hướng xuôi chiều. Ngăn sự tràn bằng thiết bị thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp phụ.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** khi vận chuyển đi chuyên cần sử dụng dụng cụ thích hợp.
 2. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :**
 - Bảo quản nơi thoát mát, khô và thoáng gió. Phương tiện chứa phải kín. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nguồn nhiệt, và các tác nhân gây oxy hóa. Thích hợp chứa đựng trong các thùng bằng thép nhẹ, nhép không gỉ. (PVC không phù hợp để làm dụng cụ chứa)
 - Nhiệt độ bảo quản từ 0°C đến 50°C.
 - Thông tin khác: Thùng chứa bằng polyethylene tránh để tiếp xúc với nhiệt độ cao vì có thể gây biến dạng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :** Áp dụng các biện pháp kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi. Sử dụng các phương tiện trang bị bảo hộ lao động
 2. **Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ có miếng che hai bên.
 - Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu đeo thời gian tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hay đeo găng tay bảo hộ chống hóa chất. Khuyến khích dùng găng tay nitrile hoặc PVC
 - Bảo vệ hô hấp: Sử dụng mặt nạ NIOSH /MSHA bảo vệ toàn bộ khuôn mặt. Trong trường hợp thiếu thông gió nên mang thiết bị thở.
 3. **Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Cả phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động
 4. **Các biện pháp vệ sinh :** Rửa bàn tay, cánh tay và mặt cho thật sạch sao khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng vệ sinh và vào lúc cuối giờ. Quần áo dùng trong việc nhiễm bẩn không được phép mang ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính hóa chất trước khi mặc lại. Cần đặt những phòng rửa mặt và phòng tắm an toàn ở gần địa điểm làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái vật lý: Chất lỏng ở nhiệt độ môi trường	Điểm sôi (°C): > 280 °C
- Màu sắc: nâu nhạt	Điểm nóng chảy (°C): không xác định
- Mùi đặc trưng: có mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point): Cốc kín > 206°C
- Áp suất hóa hơi (mm HG) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: dưới 0.5×10^{-3} Kpa tại 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): không xác định
- Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 10% V/V

- Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 1% V/V
- Độ PH: tùy theo sản phẩm	Tỷ lệ hóa hơi: không xác định
- Khối lượng riêng: 0.86 – 0.90 kg/ lít tại 15°C	Độ nhớt: Tùy theo sản phẩm
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT	
<p>1. Tính ổn định : ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường</p> <p>2. Khả năng phản ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong quá trình tồn trữ trong điều kiện bình thường. - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không xác định - Các chất có phản ứng phân nhiệt, khí độc các chất không bảo quản chung...): Không xác định - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra 	
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
<p>1. Các ảnh hưởng mãn tính với người:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có số liệu đầy đủ chỉ ra độc tính của sản phẩm. Thông tin dựa trên những kiến thức, nghiên cứu về độc tính của những sản phẩm tương tự. - Ngộ độc cấp tính: <ul style="list-style-type: none"> + Nuốt phải : khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Tiếp xúc với da: khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Hít vào: Có thể gây kích ứng nhẹ <p>2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin</p>	
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI	
<ul style="list-style-type: none"> - Không gây ảnh hưởng xấu cho hệ sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự - Mức độ phân hủy sinh học: Không dễ phân hủy sinh học. - Chỉ số BOD và COD: Không xác định - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không xác định - Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không xác định 	
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ	
<p>1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường</p> <p>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không phải là rác nguy hại theo RCRA điều khoản 40 và CFR 261</p> <p>3. Biện pháp tiêu hủy: Tái sinh hoặc xử lý thông qua nhà thầu chuyên xử lý chất thải.. Không được thải ra môi trường đất và nước.</p>	
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN	
<ul style="list-style-type: none"> - Không được xếp vào loại hàng hóa độc hại khi vận chuyển ADR/RID, UN, IMO, LATA/ CIAO. - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo nghị định số 104/2009/NĐ-CP của chính phủ ngày 9/11/2009. - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo nghị định số 29/2005/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/3/2005. 	
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ	
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã	

tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Liên hợp quốc, EC, các tổ chức quốc tế về sản xuất, kinh doanh, vận tải sản phẩm dầu mỏ đã có quy định pháp lý về khai báo MSDS

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Sản phẩm này không thuộc phân loại nguy hiểm theo điều lệ của EU.

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: Chưa có thông tin

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: ngày 30 tháng 12 năm 2021

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất;

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Lưu ý người đọc:

- Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng với mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của Petimex.
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân thủ theo tất cả các quy định. Petimex sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai mục đích và khuyến cáo hoặc những tai nạn thực bản chất của loại sản phẩm. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết.

PETIMEX



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên phân loại, tên sản phẩm:

BANGCHAK SUPER GEAR GL-1 SAE 90, 140



Số CAS: 6747-54-7

Số UN: chưa có thông tin

Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: BANGCHAK SUPER GEAR GL-1 SAE 90, 140

- Tên thương mại: BANGCHAK SUPER GEAR GL-1 SAE 90, 140

- Tên khác (không là tên khoa học): không xác định

- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056

- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:

Bangchak Petroleum Public Company Limited
210 Sukhumvit 64 Rd, Phakanong Bangkok 10260
Tel: 0-2335-4999 Fax: 0-2335-4530

- **Mục đích sử dụng:** sử dụng cho hệ thống bánh răng chủ động hypoid, bánh răng côn, xoắn ốc. Sử dụng cho hộp số xe gắn máy.

Mã tham chiếu:
SD-PD-14-23

Địa chỉ liên hệ trong trường
hợp khẩn cấp:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
ĐỒNG THÁP**

Số 140, quốc lộ 30, phường
Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh
Đồng Tháp

Điện thoại: : 02773.851056 –
02773.853090
Fax: 02773.851056

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Số EC	Index number	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Dầu gốc khoáng và phụ gia		Hỗn hợp		-	100

III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: NHAY DA – Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Cảnh báo

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Ảnh hưởng đến sức khỏe: Không nguy hiểm trong điều kiện tiếp xúc bình thường. Hạn chế tiếp xúc với hơi dầu. Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể gây viêm da.
- Cháy, nổ: Không được phân loại dễ cháy, nhưng sẽ cháy
- Ảnh hưởng đến môi trường: Khó phân hủy bằng vi sinh., Độc với sinh vật dưới nước. Có thể gây hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước.
- Thông tin khác: Không thuộc loại nguy hiểm trong khi cung cấp và vận chuyển.

- 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây dị ứng mắt
- Đường thở: Nếu hít phải hơi dầu có thể gây dị ứng hô hấp nhẹ
- Đường da: Có thể gây dị ứng da
- Đường tiêu hóa: Không xác định

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):** Nếu tiếp xúc, rửa ngay bằng nước trong vài phút. Các mí mắt phải được tách ra nhằm cầu đảm bảo cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
- 2. Trường hợp tay nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):** Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo giấy dép. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da, nên đến trung tâm y tế. Nếu trường hợp bị bắn vào da với áp suất lớn, đến trung tâm y tế. Giặt quần áo thật kỹ trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- 3. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường hô hấp:** Nếu hít phải đưa ra ngoài nơi thoáng gió. Nếu có triệu chứng bất thường phải có nhân viên y tế chăm sóc.
- 4. Trường hợp tay nạn theo đường tiêu hóa :** Nếu nuốt phải, và người nuốt còn ý thức, cho uống nước hoặc sữa. Không để người nuốt, ới trừ khi có yêu cầu của nhân viên y tế. Đưa nạn nhân đến trung tâm y tế. Không đưa gì vào miệng nạn nhân khi không còn ý thức.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị:** điều trị cần hướng vào triệu chứng và vào việc giảm nhẹ mọi tác động.

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy:** dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Carbon dioxin, khói, cacbon monoxide , oxit sulfur và các sản phẩm không cháy hết
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** tia lửa. Nếu cháy hay đun nóng, áp suất cao bình chứa có thể nổ.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Cacbon dioxin , bột hoặc các bột chữa cháy. (Cát và đất có thể sử dụng để dập tắt các đám cháy nhỏ). Không nên sử dụng tia nước để chữa cháy.

- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Nền dùng mặt nạ phòng độc. Linh cứu hỏa
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ: Khói độc, khí gas, và hơi có thể có trong đám cháy.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Thấm chất lỏng bằng cát hoặc. Thu gom, đổ vào thùng chứa chất thải và đem đổ theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường
2. Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng: Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận nơi phát thải theo hướng xuôi chiều. Ngăn sự tràn bằng thiết bị thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp phụ.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** khi vận chuyển đi chuyên cần sử dụng dụng cụ thích hợp.
2. Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :
 - Bảo quản nơi thoát mát, khô và thoáng gió. Phương tiện chứa phải kín. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nguồn nhiệt, và các tác nhân gây oxy hóa. Thích hợp chứa đựng trong các thùng bằng thép nhẹ, nhôm không gỉ. (PVC không phù hợp để làm dụng cụ chứa)
 - Nhiệt độ bảo quản từ 0°C đến 50°C.
 - Thông tin khác: Thùng chứa bằng polyethylene tránh để tiếp xúc với nhiệt độ cao vì có thể gây biến dạng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :** Áp dụng các biện pháp kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi. Sử dụng các phương tiện trang bị bảo hộ lao động
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ có miếng che hai bên.
 - Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu đeo thời gian tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hãy đeo găng tay bảo hộ chống hóa chất. Khuyến khích dùng găng tay nitrile hoặc neoprene.
 - Bảo vệ hô hấp: Sử dụng mặt nạ NIOSH /MSHA bảo vệ toàn bộ khuôn mặt. Trong trường hợp thiếu thông gió nên mang thiết bị thở.
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Cá phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động
4. Các biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay và mặt cho thật sạch sao khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng vệ sinh và vào lúc cuối giờ. Quần áo dùng trong việc nhiễm bẩn không được phép mang ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính hóa chất trước khi mặc lại. Cần đặt những phòng rửa mắt và phòng tắm an toàn ở gần địa điểm làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái vật lý: Chất lỏng ở nhiệt độ môi trường	Điểm sôi (°C): >280 °C (nhiệt độ sôi đầu.)
- Màu sắc: nâu nhạt	Điểm nóng chảy (°C): không xác định
- Mùi đặc trưng: Có mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) : Cốc kín > 220°C
- Áp suất hóa hơi (mm HG) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: dưới 0.5×10^{-3} Kpa tại 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): không xác định
- Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: chưa xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 10% V/V

- Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 1% V/V
- Độ PH: tùy vào sản phẩm	Tỷ lệ hóa hơi: không xác định
- Khối lượng riêng (kg/lít): 0.88 – 0.91 tại 15 °C	Độ nhớt: Tùy theo sản phẩm
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT	
<p>1. Tính ổn định : ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường</p> <p>2. Khả năng phản ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong quá trình tồn trữ trong điều kiện bình thường. - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không xác định - Các chất có phản ứng phân nhiệt, khí độc các chất không bảo quản chung...): Không xác định - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra 	
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
<p>1. Các ảnh hưởng mãn tính với người:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có số liệu đầy đủ chỉ ra độc tính của sản phẩm. Thông tin dựa trên những kiến thức, nghiên cứu về độc tính của những sản phẩm tương tự. - Ngộ độc cấp tính: <ul style="list-style-type: none"> + Nuốt phải : khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Tiếp xúc với da: khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Hít vào: Có thể gây kích ứng nhẹ <p>2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin</p>	
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI	
<ul style="list-style-type: none"> - Không gây ảnh hưởng xấu cho hệ sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự - Mức độ phân hủy sinh học: Không dễ phân hủy sinh học. - Chỉ số BOD và COD: Không xác định - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không xác định - Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không xác định 	
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ	
<p>1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường</p> <p>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không phải là rác nguy hại theo RCRA điều khoản 40 và CFR 261</p> <p>3. Biện pháp tiêu hủy: Tái sinh hoặc xử lý thông qua nhà thầu chuyên xử lý chất thải. Không được thải ra môi trường đất và nước.</p>	
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN	
<ul style="list-style-type: none"> - Không được xếp vào loại hàng hóa độc hại khi vận chuyển ADR/RID, UN, IMO, IATA/CIAO. - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo nghị định số 104/2009/NĐ-CP của chính phủ ngày 9/11/2009. <ul style="list-style-type: none"> - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo nghị định số 29/2005/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/3/2005. 	
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ	
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã	

tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Liên hợp quốc, EC, các tổ chức quốc tế về sản xuất, kinh doanh, vận tải sản phẩm dầu mỏ đã có uy định pháp lý về khai báo MSDS

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Sản phẩm này không thuộc phân loại nguy hiểm theo điều lệ của EU.

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: Chưa có thông tin

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: ngày 30 tháng 12 năm 2021

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Lưu ý người đọc:

- Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

- Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng với mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của Petimex.


- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân thủ theo tất cả các quy định. Petimex sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai mục đích và khuyến cáo hoặc những tai nạn thực bản chất của loại sản phẩm. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.

- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết.

PETIMEX



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên phân loại, tên sản phẩm: BANGCHAK SUPER 4T PLUS GEAR 20W-40	
---	---

Số CAS: 64742-54-7
Số UN: chưa có thông tin
Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: BANGCHAK SUPER 4T PLUS GEAR 20W-40	Mã tham chiếu: SD-PD-14-76
- Tên thương mại: BANGCHAK SUPER 4T PLUS GEAR 20W-40	
- Tên khác (không là tên khoa học): không xác định	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: : 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Bangchak Petroleum Public Company Limited 210 Sukhumvit 64 Rd, Phakanong Bangkok 10260 Tel: 0-2335-4999 Fax: 0-2335-4530	
- Mục đích sử dụng: Bôi trơn động cơ	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Dầu gốc khoáng	64742-54-7	Hỗn hợp	>90
Phụ gia	Chưa có thông tin	Hỗn hợp	> 2

III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: NHAY ĐA – Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Cảnh báo

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Ảnh hưởng đến sức khỏe: Không nguy hiểm trong điều kiện tiếp xúc bình thường. Hạn chế tiếp xúc với hơi dầu. Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể gây viêm da.
- Cháy, nổ: Không được phân loại dễ cháy, nhưng sẽ cháy
- Ảnh hưởng đến môi trường: Khó phân hủy bằng vi sinh, . Độc với sinh vật dưới nước. Có thể gây hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước.
- Thông tin khác: Không thuộc loại nguy hiểm trong khi cung cấp và vận chuyển.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây dị ứng mắt
- Đường thở: Nếu hít phải hơi dầu có thể gây dị ứng hô hấp nhẹ
- Đường da: Có thể gây dị ứng da
- Đường tiêu hóa: Không xác định

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):** Nếu tiếp xúc, rửa ngay bằng nước trong vài phút. Các mí mắt phải được tách ra nhân cầu đảm bảo cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
- 2. Trường hợp tay nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):** Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo giấy dép. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da, nên đến trung tâm y tế. Nếu trường hợp bị bắn vào da với áp suất lớn, đến trung tâm y tế. Giặt quần áo thật kỹ trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- 3. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường hô hấp:** Nếu hít phải đưa ra ngoài nơi thoáng gió. Nếu có triệu chứng bất thường phải có nhân viên y tế chăm sóc.
- 4. Trường hợp tay nạn theo đường tiêu hóa :** Nếu nuốt phải, và người nuốt còn ý thức, cho uống nước hoặc sữa. Không để người nuốt, ói trừ khi có yêu cầu của nhân viên y tế. Đưa nạn nhân đến trung tâm y tế. Không đưa gì vào miệng nạn nhân khi không còn ý thức.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị:** điều trị căn hướng vào triệu chứng và vào việc giảm nhẹ mọi tác động.

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy:** dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Carbon dioxide, khói, cacbon monoxide , oxit sulfur và các sản phẩm không cháy hết
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** tia lửa. Nếu cháy hay đun nóng, áp suất cao bình chữa có thể nổ.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Cacbon dioxide , bột hoặc các bột chữa cháy. (Cát và đất có thể sử dụng để dập tắt các đám cháy nhỏ). Không nên sử dụng tia nước để chữa cháy.

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Nền dùng mặt nạ phòng độc. Linh cứu hỏa
 6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ:** Khói độc, khí gas, và hơi có thể có trong đám cháy.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Thấm chất lỏng bằng cát hoặc. Thu gom, đổ vào thùng chứa chất thải và đem đổ theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường
 2. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận nơi phát thải theo hướng xuôi chiều. Ngăn sự tràn bằng thiết bị thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp phụ.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** khi vận chuyển đi chuyên cần sử dụng dụng cụ thích hợp.
 2. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :**
 - Bảo quản nơi thoát mát, khô và thoáng gió. Phương tiện chứa phải kín. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nguồn nhiệt, và các tác nhân gây oxy hóa. Thích hợp chứa đựng trong các thùng bằng thép nhẹ, nhép không gỉ. (PVC không phù hợp để làm dụng cụ chứa)
 - Nhiệt độ bảo quản từ 0°C đến 50°C.
 - Thông tin khác: Thùng chứa bằng polyethylene tránh để tiếp xúc với nhiệt độ cao vì có thể gây biến dạng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :** Áp dụng các biện pháp kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi. Sử dụng các phương tiện trang bị bảo hộ lao động
 2. **Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ có miếng che hai bên.
 - Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu đeo thời gian tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hay đeo găng tay bảo hộ chống hóa chất. Khuyến khích dùng găng tay nitrile hoặc neoprene.
 - Bảo vệ hô hấp: Sử dụng mặt nạ NIOSH /MSHA bảo vệ toàn bộ khuôn mặt. Trong trường hợp thiếu thông gió nên mang thiết bị thở.
 3. **Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Cá phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động
 4. **Các biện pháp vệ sinh :** Rửa bàn tay, cánh tay và mặt cho thật sạch sao khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng vệ sinh và vào lúc cuối giờ. Quần áo dùng trong việc nhiễm bẩn không được phép mang ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính hóa chất trước khi mặc lại. Cần đặt những phòng rửa mắt và phòng tắm an toàn ở gần địa điểm làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái vật lý: Chất lỏng ở nhiệt độ môi trường	Điểm sôi (°C): >232°C (nhiệt độ sôi đầu.)
- Màu sắc: nâu nhạt	Điểm nóng chảy (°C): không xác định
- Mùi đặc trưng: có mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) : Cốc kín > 228°C
- Áp suất hóa hơi (mm HG) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: dưới 0.5×10^{-3} Kpa tại 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): không xác định
- Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 10% V/V

- Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 1% V/V
- Độ PH: tùy vào từng sản phẩm	Tỷ lệ hóa hơi: không xác định
- Khối lượng riêng (kg/lít): 0.8635 kg/ lít tại 15°C	Độ nhớt: Tùy theo sản phẩm

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. **Tính ổn định** : ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường
2. **Khả năng phản ứng**:
 - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong quá trình tồn trữ trong điều kiện bình thường.
 - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không xác định
 - Các chất có phản ứng phân nhiệt, khí độc các chất không bảo quản chung...): Không xác định
 - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. **Các ảnh hưởng mãn tính với người**:
 - Không có số liệu đầy đủ chỉ ra độc tính của sản phẩm. Thông tin dựa trên những kiến thức, nghiên cứu về độc tính của những sản phẩm tương tự.
 - **Ngộ độc cấp tính**:
 - + Nuốt phải : khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg
 - + Tiếp xúc với da: khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg
 - + Hít vào: Có thể gây kích ứng nhẹ
2. **Các ảnh hưởng độc khác**: Chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

- Không gây ảnh hưởng xấu cho hệ sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự
- Mức độ phân hủy sinh học: Không dễ phân hủy sinh học.
- Chỉ số BOD và COD: Không xác định
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không xác định
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không xác định

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. **Thông tin quy định tiêu hủy** (thông tin về luật pháp): Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường
2. **Xếp loại nguy hiểm của chất thải**: Không phải là rác nguy hại theo RCRA điều khoản 40 và CFR 261
3. **Biện pháp tiêu hủy**: Tái sinh hoặc xử lý thông qua nhà thầu chuyên xử lý chất thải.. Không được thải ra môi trường đất và nước.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

- Không được xếp vào loại hàng hóa độc hại khi vận chuyển ADR/RID, UN, IMO, LATA/CIAO.
- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo nghị định số 104/2009/NĐ-CP của chính phủ ngày 9/11/2009.
- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo nghị định số 29/2005/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/3/2005.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. **Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã

tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Liên hợp quốc, EC, các tổ chức quốc tế về sản xuất, kinh doanh, vận tải sản phẩm dầu mỏ đã có quy định pháp lý về khai báo MSDS

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Sản phẩm này không thuộc phân loại nguy hiểm theo điều lệ của EU.

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: QCVN 14:2018/BKHCN : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: ngày 30 tháng 12 năm 2021

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Lưu ý người đọc:

- Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng với mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của Petimex.
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân thủ theo tất cả các quy định. Petimex sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai mục đích và khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc bản chất của loại sản phẩm. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết.

PETIMEX



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên phân loại, tên sản phẩm:

BANGCHAK SUPER 2T



Số CAS: 67472-54-7
Số UN: chưa có thông tin
Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: BANGCHAK SUPER 2T

- Tên thương mại: ANGCHAK SUPER 2T

- Tên khác (không là tên khoa học): không xác định

- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP**

Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056

- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:

Bangchak Petroleum Public Company Limited
210 Sukhumvit 64 Rd, Phakanong Bangkok 10260
Tel: 0-2335-4999 Fax: 0-2335-4530

Mã tham chiếu:
SD-PD-14-75

Địa chỉ liên hệ trong trường
hợp khẩn cấp:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
ĐỒNG THÁP**

Số 140, quốc lộ 30, phường
Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh
Đồng Tháp
Điện thoại: : 02773.851056 –
02773.853090
Fax: 02773.851056

- Mục đích sử dụng: Bôi trơn động cơ

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Dầu gốc khoáng	67472-54-7	Hỗn hợp	>90
Phụ gia	Chưa có thông tin	Hỗn hợp	> 2

III. NHẬN DẠNG ĐẠT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: NHAY DA – Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Cảnh báo

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Ảnh hưởng đến sức khỏe: Không nguy hiểm trong điều kiện tiếp xúc bình thường. Hạn chế tiếp xúc với hơi dầu. Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể gây viêm da.
- Cháy, nổ: Không được phân loại dễ cháy, nhưng sẽ cháy
- Ảnh hưởng đến môi trường: Khó phân hủy bằng vi sinh,. Độc với sinh vật dưới nước. Có thể gây hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước.
- Thông tin khác: Không thuộc loại nguy hiểm trong khi cung cấp và vận chuyển.

- 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây dị ứng mắt
- Đường thở: Nếu hít phải hơi dầu có thể gây dị ứng hô hấp nhẹ
- Đường da: Có thể gây dị ứng da
- Đường tiêu hóa: Không xác định

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):** Nếu tiếp xúc, rửa ngay bằng nước trong vài phút. Các mí mắt phải được tách ra nhân cầu đảm bảo cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
- 2. Trường hợp tay nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):** Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo giày dép. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da, nên đến trung tâm y tế. Nếu trường hợp bị bắn vào da với áp suất lớn, đến trung tâm y tế. Giặt quần áo thật kỹ trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- 3. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường hô hấp:** Nếu hít phải đưa ra ngoài nơi thoáng gió. Nếu có triệu chứng bất thường phải có nhân viên y tế chăm sóc.
- 4. Trường hợp tay nạn theo đường tiêu hóa :** Nếu nuốt phải, và người nuốt còn ý thức, cho uống nước hoặc sữa. Không để người nuốt, ới trừ khi có yêu cầu của nhân viên y tế. Đưa nạn nhân đến trung tâm y tế. Không đưa gì vào miệng nạn nhân khi không còn ý thức.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị:** điều trị căn hướng vào triệu chứng và vào việc giảm nhẹ mọi tác động.

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy:** dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Carbon dioxin, khói, cacbon monoxide , oxit sulfur và các sản phẩm không cháy hết
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** tia lửa. Nếu cháy hay đun nóng, áp suất cao bình chứa có thể nổ.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Cacbon dioxin , bột hoặc các bột chữa cháy. (Cát và đất có thể sử dụng để dập tắt các đám cháy nhỏ). Không nên sử dụng tia nước để chữa cháy.

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Nên dùng mặt nạ phòng độc. Linh cứu hỏa
 6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ:** Khói độc, khí gas, và hơi có thể có trong đám cháy.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất độc. Thẩm chất lỏng bằng cát hoặc. Thu gom, đổ vào thùng chứa chất thải và đem đổ theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường
 2. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất độc. Tiếp cận nơi phát thải theo hướng xuôi chiều. Ngăn sự tràn bằng thiết bị thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp phụ.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** khi vận chuyển di chuyển cần sử dụng dụng cụ thích hợp.
 2. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :**
 - Bảo quản nơi thoát mát, khô và thoáng gió. Phương tiện chứa phải kín. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nguồn nhiệt, và các tác nhân gây oxy hóa. Thích hợp chứa đựng trong các thùng bằng thép nhẹ, nhép không gỉ. (PVC không phù hợp để làm dụng cụ chứa)
 - Nhiệt độ bảo quản từ 0°C đến 50°C.
 - Thông tin khác: Thùng chứa bằng polyethylene tránh để tiếp xúc với nhiệt độ cao vì có thể gây biến dạng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :** Áp dụng các biện pháp kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi. Sử dụng các phương tiện trang bị bảo hộ lao động
 2. **Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ có miếng che hai bên.
 - Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu đeo thời gian tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hãy đeo găng tay bảo hộ chống hóa chất. Khuyến khích dùng găng tay nitrile hoặc neoprene.
 - Bảo vệ hô hấp: Sử dụng mặt nạ NIOSH /MSHA bảo vệ toàn bộ khuôn mặt. Trong trường hợp thiếu thông gió nên mang thiết bị thở.
 3. **Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Cá phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động
 4. **Các biện pháp vệ sinh :** Rửa bàn tay, cánh tay và mặt cho thật sạch sao khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng vệ sinh và vào lúc cuối giờ. Quần áo dùng trong việc nhiễm bẩn không được phép mang ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính hóa chất trước khi mặc lại. Cần đặt những phòng rửa mặt và phòng tắm an toàn ở gần địa điểm làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái vật lý: Chất lỏng ở nhiệt độ môi trường	Điểm sôi (°C): >232°C (nhiệt độ sôi đầu.)
- Màu sắc: nâu nhạt	Điểm nóng chảy (°C): không xác định
- Mùi đặc trưng: có mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) : Cốc kín > 228°C
- Áp suất hóa hơi (mm HG) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: dưới 0.5×10^{-3} Kpa tại 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): không xác định
- Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 10% V/V

- Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 1% V/V
- Độ PH: tùy vào từng sản phẩm	Tỷ lệ hóa hơi: không xác định
- Khối lượng riêng (kg/lít): 0.8635 kg/ lít tại 15°C	Độ nhớt: Tùy theo sản phẩm

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- Tính ổn định :** ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường
- Khả năng phản ứng:**
 - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong quá trình tồn chứa trong điều kiện bình thường.
 - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không xác định
 - Các chất có phản ứng phân nhiệt, khi độc các chất không bảo quản chung...): Không xác định
 - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- Các ảnh hưởng mãn tính với người:**
 - Không có số liệu đầy đủ chỉ ra độc tính của sản phẩm. Thông tin dựa trên những kiến thức, nghiên cứu về độc tính của những sản phẩm tương tự.
 - **Ngộ độc cấp tính:**
 - + Nuốt phải : khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg
 - + Tiếp xúc với da: khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg
 - + Hít vào: Có thể gây kích ứng nhẹ
- Các ảnh hưởng độc khác:** Chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

- Không gây ảnh hưởng xấu cho hệ sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự
- Mức độ phân hủy sinh học: Không dễ phân hủy sinh học.
- Chỉ số BOD và COD: Không xác định
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không xác định
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không xác định

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- Thông tin quy định tiêu hủy** (thông tin về luật pháp): Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường
- Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** Không phải là rác nguy hại theo RCRA điều khoản 40 và CFR 261
- Biện pháp tiêu hủy:** Tái sinh hoặc xử lý thông qua nhà thầu chuyên xử lý chất thải.. Không được thải ra môi trường đất và nước.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

- Không được xếp vào loại hàng hóa độc hại khi vận chuyển ADR/RID, UN, IMO, LATA/CLAO.
- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo nghị định số 104/2009/NĐ-CP của chính phủ ngày 9/11/2009.
- Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo nghị định số 29/2005/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/3/2005.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã

tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Liên hợp quốc, EC, các tổ chức quốc tế về sản xuất, kinh doanh, vận tải sản phẩm dầu mỏ đã có quy định pháp lý về khai báo MSDS

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Sản phẩm này không thuộc phân loại nguy hiểm theo điều lệ của EU.

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: QCVN 14:2018/BKHCN : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: ngày 30 tháng 12 năm 2021

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất;

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Lưu ý người đọc:

- Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

- Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng với mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của Petimex.


- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân thủ theo tất cả các quy định. Petimex sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai mục đích và khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc bản chất của loại sản phẩm. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.

- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết.

The logo for PETIMEX is displayed in a large, light blue, sans-serif font. The letters are bold and spaced out, with a slight shadow effect. The logo is centered horizontally and occupies a significant portion of the lower half of the page.



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên phân loại, tên sản phẩm: BANGCHAK SUPER 4T SCOOTER	
--	---

Số CAS: 67472-54-7
Số UN: chưa có thông tin
Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: BANGCHAK SUPER 4T SCOOTER	Mã tham chiếu: SD-PD-14-75
- Tên thương mại: ANGCHAK SUPER 4T SCOOTER	
- Tên khác (không là tên khoa học): không xác định	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP Số 140, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: : 02773.851056 – 02773.853090 Fax: 02773.851056
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Bangchak Petroleum Public Company Limited 210 Sukhumvit 64 Rd, Phakanong Bangkok 10260 Tel: 0-2335-4999 Fax: 0-2335-4530	
- Mục đích sử dụng: Bôi trơn động cơ	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Dầu gốc khoáng	64742-54-7	Hỗn hợp	>90
Phụ gia	Chưa có thông tin	Hỗn hợp	> 2

III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: NHAY DA – Loại 1

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Cảnh báo

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Ảnh hưởng đến sức khỏe: Không nguy hiểm trong điều kiện tiếp xúc bình thường. Hạn chế tiếp xúc với hơi dầu. Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể gây viêm da.
- Cháy, nổ: Không được phân loại dễ cháy, nhưng sẽ cháy
- Ảnh hưởng đến môi trường: Khó phân hủy bằng vi sinh, Độc với sinh vật dưới nước. Có thể gây hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước.
- Thông tin khác: Không thuộc loại nguy hiểm trong khi cung cấp và vận chuyển.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây dị ứng mắt
- Đường thở: Nếu hít phải hơi dầu có thể gây dị ứng hô hấp nhẹ
- Đường da: Có thể gây dị ứng da
- Đường tiêu hóa: Không xác định

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Nếu tiếp xúc, rửa ngay bằng nước trong vài phút. Các mí mắt phải được tách ra nhân cầu đảm bảo cho việc lau rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.
2. Trường hợp tay nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Rửa chỗ tiếp xúc ngay bằng nước và xà phòng. Thay quần áo giày dép. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da, nên đến trung tâm y tế. Nếu trường hợp bị bắn vào da với áp suất lớn, đến trung tâm y tế. Giặt quần áo thật kỹ trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
3. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Nếu hít phải đưa ra ngoài nơi thoáng gió. Nếu có triệu chứng bất thường phải có nhân viên y tế chăm sóc.
4. Trường hợp tay nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, và người nuốt còn ý thức, cho uống nước hoặc sữa. Không để người nuốt, ới trừ khi có yêu cầu của nhân viên y tế. Đưa nạn nhân đến trung tâm y tế. Không đưa gì vào miệng nạn nhân khi không còn ý thức.
5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị: điều trị căn hướng vào triệu chứng và vào việc giảm nhẹ mọi tác động.

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy: dễ cháy
2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Carbon dioxide, khói, cacbon monoxide , oxit sulfur và các sản phẩm không cháy hết
3. Các tác nhân gây cháy, nổ : tia lửa. Nếu cháy hay đun nóng, áp suất cao bình chứa có thể nổ.
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Cacbon dioxide , bột hoặc các bột chữa cháy. (Cát và đất có thể sử dụng để dập tắt các đám cháy nhỏ). Không nên sử dụng tia nước để chữa cháy.

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Nền dùng mặt nạ phòng độc. Linh cứu hỏa
 6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ:** Khói độc, khí gas, và hơi có thể có trong đám cháy.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Thấm chất lỏng bằng cát hoặc. Thu gom, đổ vào thùng chứa chất thải và đem đổ theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường
 2. **Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng:** Bịt hồ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển đồ đựng ra khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận nơi phát thải theo hướng xuôi chiều. Ngăn sự tràn bằng thiết bị thích hợp cùng với cát, đất hoặc vật liệu khác. Thu hồi dầu trực tiếp hoặc bằng vật liệu hấp phụ.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** khi vận chuyển đi chuyên cần sử dụng dụng cụ thích hợp.
 2. **Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :**
 - Bảo quản nơi thoát mát, khô và thoáng gió. Phương tiện chứa phải kín. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nguồn nhiệt, và các tác nhân gây oxy hóa. Thích hợp chứa đựng trong các thùng bằng thép nhẹ, nhép không gỉ. (PVC không phù hợp để làm dụng cụ chứa)
 - Nhiệt độ bảo quản từ 0°C đến 50°C.
 - Thông tin khác: Thùng chứa bằng polyethylene tránh để tiếp xúc với nhiệt độ cao vì có thể gây biến dạng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :** Áp dụng các biện pháp kiểm tra phù hợp khi làm việc như thông thoáng để giảm nồng độ hơi. Sử dụng các phương tiện trang bị bảo hộ lao động
 2. **Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ có miếng che hai bên.
 - Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: Hãy đeo găng tay bảo hộ nếu đeo thời gian tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên. Hay đeo găng tay bảo hộ chống hóa chất. Khuyến khích dùng găng tay nitrile hoặc neoprene.
 - Bảo vệ hô hấp: Sử dụng mặt nạ NIOSH /MSHA bảo vệ toàn bộ khuôn mặt. Trong trường hợp thiếu thông gió nên mang thiết bị thở.
 3. **Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Cá phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động
 4. **Các biện pháp vệ sinh :** Rửa bàn tay, cánh tay và mặt cho thật sạch sao khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng vệ sinh và vào lúc cuối giờ. Quần áo dùng trong việc nhiễm bẩn không được phép mang ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính hóa chất trước khi mặc lại. Cần đặt những phòng rửa mắt và phòng tắm an toàn ở gần địa điểm làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái vật lý: Chất lỏng ở nhiệt độ môi trường	Điểm sôi (°C): >232°C (nhiệt độ sôi đầu.)
- Màu sắc: nâu nhạt	Điểm nóng chảy (°C): không xác định
- Mùi đặc trưng: có mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) : Cốc kín > 228°C
- Áp suất hóa hơi (mm HG) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: dưới 0.5×10^{-3} Kpa tại 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): không xác định
- Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: không xác định	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 10% V/V

- Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 1% V/V
- Độ PH: tùy vào từng sản phẩm	Tỷ lệ hóa hơi: không xác định
- Khối lượng riêng (kg/lít): 0.8635 kg/ lít tại 15°C	Độ nhớt: Tùy theo sản phẩm
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT	
<p>1. Tính ổn định : ổn định ở điều kiện nhiệt độ và môi trường bình thường</p> <p>2. Khả năng phản ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong quá trình tồn trữ trong điều kiện bình thường. - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không xác định - Các chất có phản ứng phân nhiệt, khí độc các chất không bảo quản chung...): Không xác định - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra 	
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
<p>1. Các ảnh hưởng mãn tính với người:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có số liệu đầy đủ chỉ ra độc tính của sản phẩm. Thông tin dựa trên những kiến thức, nghiên cứu về độc tính của những sản phẩm tương tự. - Ngộ độc cấp tính: <ul style="list-style-type: none"> + Nuốt phải : khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Tiếp xúc với da: khi hàm lượng LD-50 trên 2.000 mg/Kg + Hít vào: Có thể gây kích ứng nhẹ <p>2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin</p>	
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI	
<ul style="list-style-type: none"> - Không gây ảnh hưởng xấu cho hệ sinh thái. Thông tin được đưa ra dựa trên kiến thức về thành phần và tính chất gây hại đối với sinh thái của các sản phẩm tương tự - Mức độ phân hủy sinh học: Không dễ phân hủy sinh học. - Chỉ số BOD và COD: Không xác định - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không xác định - Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không xác định 	
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ	
<p>1. Thông tin quy định thiêu hủy (thông tin về luật pháp): Việc tiêu hủy phải tuân theo quy trình và tiêu chuẩn chung về tiêu hủy hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người và môi trường</p> <p>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không phải là rác nguy hại theo RCRA điều khoản 40 và CFR 261</p> <p>3. Biện pháp tiêu hủy: Tái sinh hoặc xử lý thông qua nhà thầu chuyên xử lý chất thải.. Không được thải ra môi trường đất và nước.</p>	
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN	
<ul style="list-style-type: none"> - Không được xếp vào loại hàng hóa độc hại khi vận chuyển ADR/RID, UN, IMO, LATA/ CIAO. - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ theo nghị định số 104/2009/NĐ-CP của chính phủ ngày 9/11/2009. - Không được xếp loại vào danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa theo nghị định số 29/2005/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/3/2005. 	
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ	
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã	

tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Liên hợp quốc, EC, các tổ chức quốc tế về sản xuất, kinh doanh, vận tải sản phẩm dầu mỏ đã có quy định pháp lý về khai báo MSDS

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Sản phẩm này không thuộc phân loại nguy hiểm theo điều lệ của EU.

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: QCVN 14:2018/BKHCN : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: ngày 30 tháng 12 năm 2021

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất;

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

Lưu ý người đọc:

- Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Các dữ liệu và lời khuyên được đưa ra khi sản phẩm được bán để sử dụng với mục đích khác mà không tham khảo ý kiến của Petimex.
- Trách nhiệm của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn tuân thủ theo tất cả các quy định. Petimex sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ tai nạn gây ra do việc sử dụng sản phẩm sai mục đích và khuyến cáo hoặc những tai nạn thuộc bản chất của loại sản phẩm. Người mua sản phẩm để cung cấp cho nơi sử dụng có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo người nào sử dụng đều được cung cấp đầy đủ thông tin có trong tờ thông tin an toàn này.
- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho người lao động hoặc những người có thể chịu những ảnh hưởng đưa ra trong tờ thông tin này và những chú ý cần thiết.

PETIMEX